

Bản án số: 471/2017/DS-ST
Ngày: 22/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ.
2. Bà Lại Thị Đắc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2017/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N, địa chỉ trụ sở: đường C, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc Th, địa chỉ: đường Đ, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2016).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh T, địa chỉ: đường P, Phường Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 12 năm 2016 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N (viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là bà Ngô Thị Ngọc Th trình bày: Ngày 21/4/2015 Ngân hàng đã ký giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với ông Nguyễn Huỳnh T (viết tắt là Hợp đồng sử dụng Master Card), gồm các điều khoản chính sau:

- Loại thẻ: Master Card.
- Ngày cấp: 21/4/2015.

- Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).
- Hiệu lực thẻ: 03 năm.
- Hình thức bảo đảm: Tín chấp.
- Lãi suất:
 - + Lãi suất trong hạn: 21%/năm;
 - + Lãi suất quá hạn: 31,5%/năm (lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn).
- Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á.

Ngày 22/4/2015 Ngân hàng tiếp tục ký giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nội địa với ông Nguyễn Huỳnh T (viết tắt là Hợp đồng sử dụng Cash Card), gồm các điều khoản chính sau:

- Loại thẻ: Cash Card.
- Ngày cấp: 22/4/2015.
- Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).
- Hiệu lực thẻ: 03 năm.
- Hình thức bảo đảm: Tín chấp.
- Lãi suất:
 - + Lãi suất trong hạn: 24%/năm;
 - + Lãi suất quá hạn: 36%/năm (lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn).
- Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á.

Trong quá trình sử dụng hai thẻ tín dụng, ông T đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Do đó, ngày 25/01/2016 Ngân hàng đã thông báo chuyển số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính từ ngày 25/01/2016 đến ngày 22/9/2017, ông T còn nợ của Ngân hàng số tiền như sau:

- Hợp đồng sử dụng Master Card có số tiền nợ gốc là 3.997.955 đồng, phí chậm thanh toán là 400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 413.321 đồng, tiền lãi quá hạn 2.324.794 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 7.136.070 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm bảy mươi đồng);
- Hợp đồng sử dụng Cash Card có số tiền nợ gốc là 15.439.940 đồng, phí chậm thanh toán là 400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.758.754 đồng, tiền lãi quá hạn 9.569.277 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 27.167.971 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi một đồng).

Vi vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T phải có nghĩa vụ thanh toán hai khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng. Và số tiền lãi quá hạn được tính tiếp cho ông T từ ngày 23/9/2016 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và nội địa.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Tuấn không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét Ngân hàng thương mại cổ phần N với ông Nguyễn Huỳnh T có ký kết Hợp đồng sử dụng Master Card lập ngày 21/4/2015 và Hợp đồng sử dụng Cash Card lập ngày 22/4/2015, với các điều khoản cơ bản theo như phía nguyên đơn trình bày cùng Hợp đồng đã giao nộp cho Tòa án và phía bị đơn. Tính đến ngày 22/9/2017 số tiền ông T còn phải trả số tiền 7.136.070 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm bảy mươi đồng) của Hợp đồng sử dụng Master Card và 27.167.971 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi một đồng) của Hợp đồng sử dụng Cash Card có đính kèm theo bảng chiết tính trả tiền vốn và lãi của ông T. Các tình tiết trên đây đã được Tòa án thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét Hợp đồng sử dụng Master Card lập ngày 21/4/2015 và Hợp đồng sử dụng Cash Card lập ngày 22/4/2015, với các điều khoản cơ bản theo như phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định tại Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Trong quá trình thực hiện:

- Hợp đồng sử dụng Master Card ông T chưa thanh toán: số tiền nợ gốc là 3.997.955 đồng, phí chậm thanh toán là 400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 413.321 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.324.794 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 7.136.070 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm bảy mươi đồng);

- Hợp đồng sử dụng Cash Card ông T chưa thanh toán: số tiền nợ gốc là 15.439.940 đồng, phí chậm thanh toán là 400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.758.754 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.569.277 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 27.167.971 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi một đồng), cho phía Ngân hàng tính từ ngày 25/01/2016 đến ngày 22/9/2017 là vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Master Card và Hợp đồng sử dụng Cash Card mà hai bên

đã giao kết, vi phạm Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho phía Ngân hàng.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng; Ngân hàng không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Nguyễn Huỳnh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N:

- Số tiền 7.136.070 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm bảy mươi đồng) trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc là 3.997.955 đồng, phí chậm thanh toán là 400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 413.321 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.324.794 đồng theo Hợp đồng sử dụng Master Card lập ngày 21/4/2015.

- Số tiền 27.167.971 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm bảy mươi một đồng) trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc là 15.439.940 đồng, phí chậm thanh toán là 400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.758.754 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.569.277 đồng theo Hợp đồng sử dụng Cash Card lập ngày 22/4/2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thì thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Huỳnh T phải chịu là 1.715.202 đồng (một triệu bảy trăm mười lăm ngàn hai trăm lẻ hai đồng). Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 741.965 đồng (bảy trăm bốn mươi một ngàn chín trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026668 ngày 16/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Đức Nam